

Số: /KH-UBND

Kim Tân, ngày tháng 3 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện dự án 2 “Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Kim Tân năm 2026**

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Công văn của UBND tỉnh: số 12845/UBND-NNMT ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về việc giao hướng dẫn triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; số 13400/UBND-NNMT ngày 14/8/2025 về việc chấm dứt hiệu lực của Hướng dẫn số 293/HD-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Hướng dẫn 10068/HD-SNNMT ngày 20/08/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025; Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Kim Tân về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Kim Tân năm 2025; Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Kim Tân về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND xã Kim Tân về việc chuyển nguồn Ngân sách cấp xã năm 2025 sang năm 2026 (đợt 2);

UBND xã Kim Tân ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện dự án 2 “Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn xã Kim Tân với những nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện dự án; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền để triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án 2 “Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn xã; phân đấu giải ngân cao nhất đối với nguồn kinh phí được tỉnh giao; đảm bảo đúng đối tượng, định mức hỗ trợ.

- Hỗ trợ sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

### **2. Yêu cầu**

- Việc thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; công tác triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo công khai, minh bạch,

dân chủ, khách quan, đúng đối tượng và đúng quy định và phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của nhà nước.

- Thực hiện được mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Đối tượng hỗ trợ**

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn xã. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

**2. Phạm vi thực hiện:** Triển khai thực hiện trên phạm vi toàn xã, ưu tiên các thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**3. Thời gian thực hiện:** năm 2026

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Nội dung hỗ trợ**

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

### **2. Điều kiện hỗ trợ**

Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, cụ thể như sau:

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình MTQG theo quy định tại khoản 5, điều 20 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 và theo quy định của UBND tỉnh.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được UBND cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được UBND cấp xã xác nhận.

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

### **3. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước**

Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại các Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023, số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh.

a) Hỗ trợ tối đa không quá 60 % tổng kinh phí thực hiện (01) dự án trên địa bàn xã thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

c) Định mức hỗ trợ cụ thể về vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi cho 01 hộ nghèo và mức hỗ trợ cho các hộ tham gia dự án được quy định chi tiết tại phụ lục đính kèm Nghị quyết số 06/2022/NQHĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa được bổ sung tại Điều 2 Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND nhưng phải đảm bảo tổng mức hỗ trợ cho một dự án, phương án (bao gồm cả nội dung hỗ trợ về vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi) không quá 500 triệu đồng.

### **4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất**

Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022, Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

a) Bước 1: Lập hồ sơ

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất. Hồ sơ gồm: Biên bản họp dân theo Mẫu số 05; Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

**b) Bước 2: Nộp hồ sơ**

Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.

**c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

- Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm Phòng Kinh tế các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Nội dung thẩm định: thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

**d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

- Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Dự án 2 được lấy từ nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 đã được UBND xã Kim Tân chuyển nguồn sang năm 2026 tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 với tổng kinh phí thực hiện: 1.123.000.000 đồng.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Kinh tế**

- Tham mưu việc triển khai thực hiện Dự án 2 đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, định mức, nguyên tắc, điều kiện, phương thức, tiến độ, quy trình và hiệu quả; hướng dẫn các cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc lựa chọn, xây dựng, thực hiện các mô hình, dự án phát triển sản xuất; kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tiếp nhận, xử lý hồ sơ trình phê duyệt của các cộng đồng dân cư thực hiện dự án trên địa bàn; tham mưu trình Chủ tịch UBND xã thành lập Tổ thẩm

định và phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình chủ tịch UBND cấp xã xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án, đề xuất giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện dự án.

- Sau khi Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt thực hiện cấp kinh phí để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện dự án và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Hướng dẫn thực hiện các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là những công nghệ mới phù hợp với điều kiện từng vùng, từng đơn vị; tham mưu chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm tại cơ sở.

## **2. Trung Tâm cung ứng dịch vụ công**

- Phối hợp triển khai, thực hiện hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn; theo dõi, tập huấn, hướng dẫn cộng đồng dân cư và các hộ tham gia dự án lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, áp dụng các biện pháp, quy trình kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống và điều trị dịch bệnh trên giống cây trồng, vật nuôi sau khi được hỗ trợ.

- Tuyên truyền rộng rãi các nội dung tại Kế hoạch này trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn để các hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh biết, đăng ký tham gia và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ thông quan các mô hình, dự án.

## **3. Các thôn**

- Tổ chức niêm yết công khai kế hoạch này tại nhà văn hóa thôn, đồng thời tổ chức hội nghị toàn dân tại để tiếp tục tuyên truyền, triển khai các mô hình, dự án thuộc chương trình và bình xét các đối tượng thụ hưởng chính sách đảm bảo dân chủ, khách quan, minh bạch, đúng đối tượng; hướng dẫn thành lập công đồng dân cư để thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Phối hợp đôn đốc các cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất như: Biên bản họp dân; đơn đề nghị của công đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và các hồ sơ có liên quan khác để trình phê duyệt dự án.

## **4. Đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên**

- Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với UBND cấp xã.

- Quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án và cam kết của hộ khi tham gia dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 06 tháng, 01 năm về UBND xã theo quy định.

5. Giao Văn phòng HĐND&UBND xã đăng tải Kế hoạch này trên trang thôn tin điện tử của UBND xã; đồng thời niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở UBND xã để Nhân dân biết, đăng ký thụ hưởng các nội dung hỗ trợ theo quy định.

6. Đề nghị UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân tích cực tham gia thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tạo thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, phát huy các sản phẩm lợi thế, đặc trưng của từng địa phương; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai dự án tại các đơn vị, cộng đồng dân cư trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 2, “Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2026 của UBND xã Kim Tân. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị thông tin, báo cáo kịp thời bằng văn bản về UBND xã (*qua phòng Kinh tế*) để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, TT HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trưởng các phòng, đơn vị cấp xã;
- Trưởng thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Đức Tâm**